

Số: /BC- UBND

Thanh Định, ngày tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính Quý I Phương hướng, nhiệm vụ Quý II năm 2024

Kính gửi:

- UBND huyện Định Hoá;
- Phòng Nội vụ huyện Định Hoá;

Thực hiện Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 12/01/2024 của UBND xã về cải cách hành chính xã Thanh Định năm 2024; thực hiện báo cáo công tác cải cách hành chính năm 2024 theo quy định;

Ủy ban nhân dân xã Thanh Định báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

- Việc lãnh đạo của cấp ủy Đảng cơ quan đối với công tác cải cách hành chính: Xác định công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm; lãnh đạo UBND xã đã chỉ đạo công chức chuyên môn, các ban, ngành có liên quan tích cực tổ chức triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính, với các giải pháp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, nhằm nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính; đảm bảo thống nhất cao trong tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và cán bộ, công chức về các chủ trương, nhiệm vụ và giải pháp cải cách hành chính, gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND xã.

- Việc xây dựng, ban hành các văn bản CCHC: Để thực hiện tốt công tác cải cách hành chính năm 2024 UBND xã Thanh Định đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 12/01/2024 về công tác cải cách hành chính năm 2024; Kế hoạch số 10/KH-UBND, ngày 17/01/2024 về tuyên truyền CCHC xã Thanh Định năm 2024; Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 12/01/2024 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước xã Thanh Định năm 2024; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2024 về việc kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn xã năm 2024; Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 31/01/2024 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2024 trên địa bàn xã Thanh Định.

- Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện kế hoạch CCHC năm: UBND xã Thanh Định đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 12/01/2024 về

công tác cải cách hành chính năm 2024, trong quý I UBND xã đã thực hiện được 02/6 nhiệm vụ trọng tâm thực hiện CCHC năm 2024.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Trong quý I năm 2024, UBND xã Thanh Định không ban hành văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật: Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 11/01/2024 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn xã Thanh Định năm 2024..

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Trong quý I, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 19/01/2024 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Không có.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- UBND xã ban hành Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 31/01/2024 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2024 trên địa bàn xã Thanh Định, UBND xã xây dựng kế hoạch rà soát thực hiện trong năm 2024 là 06 thủ tục hành chính..

- UBND xã đã ban hành Thông báo số 07/TB-UBND, ngày 11/01/2024 về thủ tục hành chính thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Thanh Định; thực hiện niêm yết công khai 145 thủ tục hành chính với 14 lĩnh vực, thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã Thanh Định theo hệ thống tài liệu quản lý chất lượng Tiêu chuẩn Việt Nam ISO 9001:2015 và theo các văn bản công bố thủ tục hành chính của UBND tỉnh Thái Nguyên; số lượng TTHC thuộc ngành dọc Công an 13 TTHC, Quân sự 14 TTHC...

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+ Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa: về cơ sở vật chất, các trang thiết bị cho hoạt động của công tác một cửa, một cửa liên thông: 06 máy tính có kết nối mạng Internet, 06 máy in, 01 máy photocopy, 01 hòm thư góp ý, 04 tủ tài liệu và bàn ghế làm việc, tiếp công dân, 02 máy in đa năng trắng đen, 01 máy scan, 01 màn hình quan sát (TV 49”), và một hệ thống camera giám sát.

* Trong Quý I năm 2024, Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả TTHC của UBND xã Thanh Định đã tiếp nhận là 498 hồ sơ, trong đó:

+ Số mới tiếp nhận trực tuyến: 494 hồ sơ.

+ Số hồ sơ mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc qua DV bưu chính) là: 0 hồ sơ.

+ Số hồ sơ từ kỳ trước chuyển qua là: 04 hồ sơ

- Số hồ sơ đã giải quyết là: 491 hồ sơ, trong đó:

+ Số hồ sơ giải quyết trước hạn là: 433 hồ sơ

+ Số hồ sơ giải quyết đúng hạn là: 57 hồ sơ

+ Số hồ sơ giải quyết quá hạn là: 01 hồ sơ

- Số hồ sơ đang được giải quyết là: 07 hồ sơ, trong đó:

+ Số hồ sơ chưa đến hạn là: 07 hồ sơ;

+ Số hồ sơ quá hạn là: 0 hồ sơ.

+ Kết quả thực hiện số hoá hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: UBND xã thực hiện số hoá kết quả giải quyết TTHC là 492/494 hồ sơ đạt 99,6%

+ Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: UBND xã đã thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính theo đúng quy trình và được giải quyết đúng và trước hạn, tuy nhiên trong quý I, có 01 hồ sơ trả quá hạn cho công dân (*do công chức chuyên môn khi nhập hồ sơ lên phần mềm một cửa không chú ý đến thời gian trả kết quả, dẫn đến trả kết quả giải quyết TTHC bị quá hạn, trong thực tế 01 hồ sơ đã được trả cho công dân đúng hạn...*)

+ Trong quý I năm 2024, UBND xã không tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

UBND xã Thanh Định bố trí cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm, đảm bảo công việc được giải quyết nhanh gọn và hiệu quả nhất.

Thực hiện đúng các quy định của tỉnh, huyện về phân cấp quản lý, UBND xã đã nghiêm túc thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế làm việc của cơ quan về chế độ, làm việc, thời giờ làm việc, đặc biệt thực hiện tốt công tác phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan.

Hiện nay xã có 09 công chức có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm. Các đồng chí cán bộ, công chức có tư tưởng, lập trường chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống lành mạnh, có tác phong và lề lối làm việc nhanh nhẹn, chấp hành đúng nội quy, quy chế làm việc theo hiến pháp và pháp luật, có thái độ phục vụ nhân dân tốt.

4. Cải cách chế độ công vụ

- UBND xã xác định vị trí việc làm là một nhiệm vụ bắt buộc để thực hiện đổi mới cơ chế quản lý cán bộ, công chức, góp phần xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, năng động nhưng vẫn đảm bảo tính ổn định. Trên cơ sở xác định vị trí việc làm, sẽ có căn cứ và cơ sở để đổi mới các nội dung quản lý công chức, viên chức như: biên chế, tuyển dụng, nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá và thực hiện cải cách chế độ tiền lương...

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức: Cán bộ, công chức xã thực hiện tốt chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính ..

- UBND xã luôn quan tâm cử các cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn của huyện, tỉnh tổ chức với số lượng đầy đủ.

5. Cải cách tài chính công

UBND xã thực hiện tốt các quy định về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo các Nghị định của chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. Sắp xếp biên chế đủ số lượng được giao và theo vị trí công việc đảm bảo hiệu quả công việc. Đảm bảo bố trí đúng nguồn nhân lực có đủ năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

UBND xã triển khai đến toàn thể cán bộ, công chức phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm Quản lý văn bản và hỗ trợ điều hành, phần mềm dịch vụ công trực tuyến trong xử lý công việc và sử dụng dịch vụ công trong giải quyết thủ tục hành chính. 100% cán bộ, công chức sử dụng thường xuyên, thành thạo và tạo lập hồ sơ, công việc điện tử phần mềm quản lý văn bản. 100% văn bản đi, đến được cập nhật đầy đủ trên phần mềm quản lý văn bản.

UBND xã đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết TTHC cho công dân và tổ chức giảm văn bản và giấy tờ hành chính. UBND xã đã đầu tư xây dựng mạng tin học nội bộ (Mạng LAN) góp phần thực hiện nhanh chóng việc gửi, trao đổi và xử lý, giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân đến giao dịch.

Chỉ đạo cán bộ, công chức tại bộ phận Một cửa hướng dẫn tổ chức, công dân thực hiện giải quyết TTHC mức độ 3, mức độ 4 theo quy định trên trang Cổng dịch vụ công tỉnh Thái Nguyên tại địa chỉ: <https://dvc.thainguyen.gov.vn/>; duy trì nghiêm túc việc nhập, theo dõi hồ sơ trên hệ thống Một cửa điện tử tại địa chỉ Website: <http://motcua.thainguyen.gov.vn> lưu giữ đầy đủ phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, phiếu kiểm soát hồ sơ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Được sự lãnh đạo của BTV Đảng uỷ, điều hành của UBND và sự giám sát của Thường trực HĐND công tác cải cách hành chính được tổ chức thực hiện đầy đủ và nghiêm túc.

Phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, công chức thuộc các bộ phận chuyên môn theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao. Cán bộ, công chức ý thức rõ trách nhiệm công việc, tổ chức kỷ luật cao.

2. Những tồn tại, hạn chế

Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết TTHC hiệu quả chưa cao, vì khả năng tiếp cận thông tin, phương tiện máy móc ứng dụng công nghệ

thông tin của người dân còn hạn chế. Mặt khác người dân vẫn quen với hình thức giao dịch trực tiếp tại bộ phận một cửa để giải quyết TTHC đảm bảo nhanh gọn, rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM

1. Công tác chỉ đạo, điều hành: Tiếp tục ban hành các văn bản chỉ đạo công tác cải cách hành chính trên địa bàn xã theo hướng dẫn của cấp trên

2. Cải cách thể chế: Thực hiện rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL

3. Cải cách thủ tục hành chính: Thực hiện đúng quy trình một cửa, một cửa liên thông, tiếp tục chỉ đạo cán bộ, công chức tại bộ phận Một cửa hướng dẫn tổ chức, công dân thực hiện giải quyết TTHC mức độ 3, mức độ 4 theo quy định trên trang Cổng dịch vụ công tỉnh Thái Nguyên tại địa chỉ: <https://dvc.thainguyen.gov.vn/>.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: Bố trí cán bộ, công chức phù hợp với từng vị trí việc làm.

5. Cải cách chế độ công vụ: Tăng cường công tác kiểm soát TTHC; kịp thời công khai các TTHC do UBND tỉnh Thái Nguyên công bố và bãi bỏ các TTHC hết hiệu lực; nâng cao trách nhiệm trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

6. Cải cách tài chính công: Thực hiện có hiệu quả việc quản lý sử dụng kinh phí trong các hoạt động của cơ quan đảm bảo chi đúng, chi đủ, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

7. Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử: Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

8. Công tác kiểm tra, tuyên truyền: Tăng cường các hoạt động tuyên truyền về cải cách hành chính, tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật đến toàn thể nhân dân trên địa bàn xã được biết.

Trên đây là Báo cáo công tác cải cách hành chính Quý I; phương hướng, nhiệm vụ Quý II năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Định./.

Nơi nhận:

- Phòng nội vụ huyện;
- T.Tr. Đảng ủy;
- T.Tr HĐND - UBND xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phùng Văn Đăng

PHỤ LỤC
BÁO CÁO CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 15/03/2024 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Định)

STT	Các chỉ tiêu (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC			
1.1.	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC năm (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	33,3	
Trong đó	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	6	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	2	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.2.1.	Tỷ lệ phòng chuyên môn, đơn vị thuộc, trực thuộc UBND cấp huyện đã kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%		
1.2.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%		
1.2.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%		
Trong đó	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch UBND huyện, UBND huyện giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
2.	Cải cách thể chế		0	
2.1.	Số VBQPPL do HĐND, UBND cấp huyện đã ban hành (cấp xã)	Văn bản		

2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	-	-	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
2.4.	Tỷ lệ xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát	%		
Trong đó	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
	Số VBQPPL đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thông kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới thuộc thẩm quyền	Thủ tục		
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục		
Trong đó	Số TTHC cấp huyện	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã	Thủ tục	145	
3.2.	Vận hành Công dịch vụ công (DVC)			
3.2.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
Trong đó	Tổng số TTHC đủ điều kiện	Thủ tục		
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
3.2.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		
Trong đó	Tổng số TTHC đủ điều kiện	Thủ tục		
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
3.2.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%		
Trong đó	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4	Thủ tục		
	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai	Thủ tục		
3.2.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%		

Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ		
	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	494	
3.2.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
Trong đó	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính	Thủ tục		
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	Thủ tục		
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.3.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.3.4.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		
3.3.5.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,5	
Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	491	
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	490	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
4.1.5.	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện đã cắt giảm so với năm 2015	%		
Trong đó	Tổng số đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	Đơn vị		
	Số đơn vị sự nghiệp tại thời điểm báo cáo	Đơn vị		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			

4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người		
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người		
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
5.3.	Số lượng lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển.	Người		
5.4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).	Người		
Trong đó	Số lãnh đạo UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người		
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		

	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các ĐVSN bị kỷ luật.	Người		
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
Trong đó	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
	Đã thực hiện	Triệu đồng		
6.2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
6.2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
6.2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
6.2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
Trong đó	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
6.2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		

7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.5.1.	Tỷ lệ thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp huyện đến cấp xã	%		
7.5.2.	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn dưới dạng điện tử	Văn bản		
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%		
	Tỷ lệ văn bản được gửi dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%		
7.6.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.6.1.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.6.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		